

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2771/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung Khu kinh tế Ninh Cơ,
tỉnh Ninh Bình, đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Nam Định (nay là Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Ninh Bình);

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tại Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2025 và đề nghị của Bộ Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 346/BC-BXD ngày 28 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Ninh Bình, đến năm 2050 với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch:

a) Phạm vi lập quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ ranh giới khu kinh tế đã được thành lập theo Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, thuộc 04 đơn vị hành chính cấp xã và phần bãi bồi, bao gồm: xã Rạng Đông; xã Hải Thịnh; một phần xã Quỹ Nhất; một phần xã Hải Xuân và vùng bãi bồi, vùng mặt nước biển. Cụ thể giáp ranh như sau:

+ Phía Bắc giáp các xã Hải Xuân, xã Hải Tiến, Hải Anh;

+ Phía Tây giáp các xã Nghĩa Lâm, Hồng Phong, Nghĩa Sơn, Hải An;

+ Phía Nam và phía Đông giáp Biển Đông;

- Phạm vi nghiên cứu: gồm phạm vi lập quy hoạch và 16.000 ha mặt biển (phạm vi lập quy hoạch được mở rộng theo đề án mở rộng ranh giới khu kinh tế được cơ quan có thẩm quyền quyết định).

b) Quy mô:

- Diện tích nghiên cứu khoảng 29.950 ha;

- Diện tích lập quy hoạch khoảng 13.950 ha.

c) Thời hạn lập quy hoạch:

Quy hoạch chung Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Ninh Bình, đến năm 2050 thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024, xác định thời hạn lập quy hoạch như sau:

- Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2030;

- Quy hoạch dài hạn đến năm 2050.

2. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa định hướng của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng, quy hoạch tỉnh và đề án thành lập Khu kinh tế Ninh Cơ, xây dựng phát triển Khu kinh tế Ninh Cơ trở thành khu kinh tế biển tổng hợp, đa ngành, đa chức năng, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Ninh Bình, trọng điểm phát triển mang tính đột phá của vùng đồng bằng sông Hồng;

- Xây dựng Trung tâm kinh tế biển phát triển năng động, hiệu quả, có cảng biển tổng hợp quốc tế nước sâu và cơ sở hạ tầng đồng bộ, có môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Hồng và của cả nước;

- Tạo động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa Ninh Bình sớm trở thành tỉnh có công nghiệp hiện đại, dịch vụ phát triển gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới, tái cơ cấu nền kinh tế dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế;

- Xây dựng phát triển thành đô thị hiện đại, gắn với không gian kinh tế biển và gắn với bảo tồn, bảo vệ đa dạng sinh học tại khu vực;

- Là cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch cấp dưới, dự án đầu tư và quản lý phát triển Khu kinh tế theo quy định.

3. Tính chất, chức năng:

- Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, phát triển xanh, gắn với bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng; trọng tâm là phát triển công nghiệp, dịch vụ, logistic, đô thị và du lịch;

- Trung tâm kinh tế biển, đô thị - công nghiệp - dịch vụ - du lịch đồng bộ, hiện đại, phát triển theo mô hình đô thị xanh, đô thị thông minh, gắn với tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, khu bảo tồn sinh thái và đa dạng sinh học;

- Đầu mối giao thông, trung chuyển thương mại quốc gia và quốc tế quan trọng;

- Khu vực có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

(Ghi chú: Tính chất, chức năng của Khu kinh tế sẽ được bổ sung, điều chỉnh trong quá trình nghiên cứu lập đề án quy hoạch chung gắn với phạm vi ranh giới được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận).

4. Sơ bộ dự báo phát triển:

a) Dự báo quy mô dân số:

- Đến năm 2030: khoảng 92.000 - 95.000 người;
- Đến năm 2050: khoảng 200.000 - 265.000 người.

b) Dự báo nhu cầu sử dụng đất xây dựng khu chức năng:

- Đến năm 2030: khoảng 7.000 - 8.000 ha. Trong đó: đất xây dựng khu dân cư, đô thị khoảng 1.500 - 2.500 ha, đất xây dựng các chức năng khác khoảng 5.500 - 6.500 ha.

- Đến năm 2050: khoảng 9.000 - 11.000 ha. Trong đó: đất xây dựng khu dân cư, đô thị khoảng 3.000 - 4.000 ha, đất xây dựng các chức năng khác khoảng 6.000 - 8.000 ha.

c) Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng: Khu vực xây dựng phát triển mới áp dụng các chỉ tiêu, tiêu chí đô thị phù hợp, có xét đến các yếu tố đặc thù của đô thị ven biển; khu vực hiện trạng cải tạo áp dụng các chỉ tiêu hiện trạng; áp dụng mục tiêu phát triển xanh và thông minh.

Ghi chú: Quy mô và chỉ tiêu sử dụng đất sẽ xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch. Việc phân tích, đánh giá, dự báo cụ thể quy mô dân số và đất đai xây dựng từng giai đoạn sẽ được nghiên cứu, đề xuất trong quá trình nghiên cứu đồ án điều chỉnh quy hoạch.

5. Yêu cầu về nội dung quy hoạch:

Trên cơ sở rà soát, kế thừa các yếu tố hợp lý của các quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt; phân tích làm rõ các mục tiêu, yêu cầu, định hướng của các nghị quyết, quyết định, văn bản pháp lý, các chủ trương và chính sách của: Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến phát triển tỉnh Ninh Bình, khu vực đồng bằng sông Hồng; phân tích, đánh giá các tác động của các quy hoạch ngành quốc gia và tỉnh Ninh Bình đối với khu vực quy hoạch phát triển Khu kinh tế Ninh Cơ.

Yêu cầu nghiên cứu định hướng quy hoạch chung phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ phù hợp với quy hoạch cấp trên và quy hoạch chuyên ngành, thống nhất đồng bộ với các quy hoạch khác có liên quan. Nội dung nghiên cứu cụ thể như sau:

a) Đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng:

- Phân tích đánh giá các đặc điểm tự nhiên, cảnh quan sinh thái, tài nguyên và các vấn đề có ảnh hưởng đến định hướng phát triển khu kinh tế, đặc biệt là các tác động của khu vực ven biển, bãi bồi, khu vực khai thác mặt biển, tác

động của sông Đáy, sông Ninh Cơ đối với khu vực lập quy hoạch chung. Đánh giá cụ thể về quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng;

- Đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội khu vực lập quy hoạch, khu vực lân cận và mối liên hệ với tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh Ninh Bình. Đánh giá hiện trạng dân cư, lao động, việc làm, hiện trạng sử dụng đất và không gian cảnh quan, hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch;

- Đánh giá, rà soát hiện trạng và định hướng phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, các công trình dự án cấp tỉnh và quốc gia đã được định hướng tại các quy hoạch cấp trên, liên quan đến địa bàn khu vực lập quy hoạch, để định hướng, bố trí quỹ đất, không gian phát triển hợp lý;

- Đánh giá khả năng thoát lũ, an toàn đê điều của hệ thống sông Ninh Cơ và sông Đáy, đê biển Thịnh Long; tác động của các yếu tố thiên tai (bão, sóng, nước biển dâng...) đến hoạt động của Khu kinh tế Ninh Cơ; tác động của việc chuyển đổi đất rừng phòng hộ, sử dụng đất thủy lợi, thay đổi nhiệm vụ các công trình thủy lợi... do thực hiện các hoạt động xây dựng khu chức năng trong Khu kinh tế đến môi trường, hệ sinh thái biển, an ninh, an toàn của người dân trong khu vực; tác động của việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp đến an ninh lương thực và sinh kế của người dân;

- Đánh giá, rà soát hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: giao thông, phòng chống lũ lụt, thoát nước, cấp điện, hạ tầng thông tin và truyền thông, cấp nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn và hiện trạng môi trường;

- Rà soát các chương trình, dự án, đồ án có liên quan; làm rõ các kết quả đã thực hiện theo quy hoạch xây dựng đã có (thu hút đầu tư, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng kinh tế - xã hội và hạ tầng kỹ thuật);

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng, xác định những vấn đề tồn tại, điểm nghẽn phát triển trong công tác quản lý, đầu tư phát triển tại khu vực, đề xuất các nội dung trọng tâm, vấn đề cần giải quyết.

b) Phân tích, đánh giá vai trò, vị trí, tiềm năng và động lực phát triển:

- Nghiên cứu các phương hướng phát triển tại quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng; quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt có tác động đến phạm vi lập quy hoạch chung.

- Phân tích về các mối liên kết vùng trên cơ sở cụ thể hóa các định hướng các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh có liên quan đến khu vực quy hoạch. Đặc biệt là kết nối hệ thống khu kinh tế ven biển Bắc Bộ như Khu kinh tế Cát Hải - Đình Vũ, Khu kinh tế Nghi Sơn,

Khu kinh tế Thái Bình đề chia sẻ các chức năng phát triển, liên kết hạ tầng logistics, hệ thống cảng biển và chuỗi cung ứng hàng hóa công nghiệp, hỗ trợ phát triển, cũng như khai thác hiệu quả các nguồn lực tài nguyên và phát triển bền vững về dài hạn.

- Nghiên cứu phân tích mối quan hệ của khu kinh tế trong mối quan hệ với quốc tế, cả nước và đặc biệt là vùng đồng bằng sông Hồng để xác định vai trò, vị thế, tiềm năng và thách thức của Khu kinh tế Ninh Cơ khác với các Khu kinh tế ven biển tại khu vực phía Bắc.

- Nghiên cứu các tác động trực tiếp và gián tiếp giữa Khu kinh tế Ninh Cơ với các khu vực lân cận; đặc biệt xem xét các tương hỗ qua lại với khu vực thuộc Hải Phòng, Hưng Yên, Thanh Hóa ...

- Làm rõ tính chất, động lực phát triển Khu kinh tế Ninh Cơ, vai trò đối với quốc gia, vùng và tỉnh Ninh Bình; cũng như xác định các quan điểm, mục tiêu quy hoạch; đề xuất những nội dung chính cần giải quyết trong quy hoạch chung.

c) Dự báo và đề xuất các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Dự báo quy mô dân số, lao động, khách du lịch, lượng hàng hóa và các yêu cầu đặc thù về thông thương qua khu kinh tế, làm cơ sở định hướng cho các giải pháp quy hoạch.

- Dự báo quy mô phát triển các khu chức năng, yêu cầu về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hoạt động giao thương tại khu kinh tế trong tương lai.

- Yêu cầu khi lập đồ án quy hoạch tính toán dự báo quy mô dân số đảm bảo trên cơ sở dữ liệu tin cậy, áp dụng phương pháp dự báo khoa học, có tính toán các kịch bản thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Đề xuất mô hình, cấu trúc phát triển:

- Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên khu vực làm cơ sở cho lựa chọn mô hình phát triển khu kinh tế phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên, khai thác tối ưu quỹ đất khu vực cho các yêu cầu phát triển kinh tế, hạ tầng, cảnh quan, môi trường;

- Đề xuất, xây dựng cấu trúc, cơ cấu không gian gắn với phát triển công nghiệp phụ trợ, logistics, thương mại, du lịch, khu dân cư và các dịch vụ khác.

đ) Định hướng phát triển không gian:

- Định hướng phát triển không gian theo mô hình phát triển xanh - thông minh, hướng mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo khai thác tối đa không gian chức năng. Kết nối không gian khu kinh tế với không gian phát triển kinh tế biển, khu vực mở rộng ra sông Đáy, Kim Sơn và các khu vực trọng điểm phát triển của tỉnh Ninh Bình.

- Xác định và phân bố không gian khu vực khu công nghiệp cảng biển; khu thương mại dịch vụ, các khu logistic, khu sản xuất công nghiệp, khu du lịch, khu ở, các trung tâm công cộng... và các khu chức năng khác.

- Quy định kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu quy hoạch: Định hướng phát triển các trục không gian, hành lang phát triển của khu quy hoạch, làm cơ sở xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch, nguyên tắc phát triển đối với các khu chức năng của khu quy hoạch;

- Quá trình nghiên cứu định hướng quy hoạch các khu chức năng, tránh chồng lấn, mâu thuẫn với các dự án động lực (cảng biển, giao thông, năng lượng sạch, đô thị - dịch vụ ven biển...) và các dự án đang thực hiện đầu tư.

e) Quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn:

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn đến năm 2030, 2050 trên cơ sở mô hình, cấu trúc và định hướng phát triển không gian. Đề xuất chức năng sử dụng đất, quy mô, nguyên tắc sử dụng đất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến xây dựng và sử dụng đất đối với từng khu vực chức năng nhằm phục vụ cho công tác quản lý và kiểm soát phát triển.

- Yêu cầu quy hoạch sử dụng đất đảm bảo các quy định của pháp luật về đất đai, môi trường, lâm nghiệp, an ninh, quốc phòng. Định hướng khai thác sử dụng đất tại các khu vực bãi bồi, khai thác mặt biển ... tuân thủ các quy định khai thác sử dụng mặt biển, yêu cầu bảo vệ sinh thái và đảm bảo mục tiêu an ninh quốc phòng.

g) Định hướng phát triển hạ tầng kinh tế xã hội:

Đề xuất định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội gồm: công nghiệp, dịch vụ, sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, nhà ở, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học công nghệ và các lĩnh vực dịch vụ có liên quan trên cơ sở cụ thể hóa các định hướng của quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển khu kinh tế về dài hạn.

Nghiên cứu định hướng các khu dân cư nông thôn, dân cư đô thị, khu tái định cư đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển của Khu kinh tế và tăng điều kiện sinh hoạt và kinh tế của người dân khu vực.

h) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

Xác định các yêu cầu, nguyên tắc và các giải pháp định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật liên quan đến kết nối trong và ngoài khu kinh tế, đảm bảo kết nối vùng đồng bộ, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài khu kinh tế, đảm bảo kết nối với các quy hoạch ngành cấp quốc gia đang nghiên cứu và đang thực hiện liên quan đến Khu kinh tế Ninh Cơ. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

xanh và thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Lựa chọn các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các điều kiện phát triển, khả thi về nguồn lực theo từng giai đoạn. Cụ thể như sau:

- Giao thông: quy hoạch mạng lưới giao thông (giao thông nội bộ và đối ngoại) kết nối hợp lý Khu kinh tế với hệ thống hạ tầng giao thông quốc gia và các khu vực lân cận, đặc biệt là kết nối cảng biển, đường sắt, đường cao tốc, đường sông. Tổ chức mạng lưới giao thông và đề xuất các giải pháp thiết kế cho mạng lưới giao thông nội bộ khu kinh tế theo yêu cầu đặc thù chức năng của từng khu vực. Đề xuất và phân loại tuyến đường trên cơ sở dự báo lượng chuyên chở qua khu vực và phương tiện vận tải sử dụng. Xác định các công trình giao thông đầu mối, các trung tâm tiếp vận và hậu cần vận tải.

- Chuẩn bị kỹ thuật: Đề xuất các giải pháp cao độ nền và thoát nước mặt hợp lý cho các khu vực xây dựng; đảm bảo an toàn về lũ lụt; phòng tránh các hiểm họa thiên tai... nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Đề xuất các giải pháp kỹ thuật, khoanh vùng các khu vực cấm hoặc hạn chế xây dựng do cấu tạo về địa chất, địa hình, do nguy cơ ngập lụt. Đề xuất các giải pháp: chống xói lở khu vực lân cận do tác động của hoạt động lấn biển, xây dựng cảng; bảo vệ, giảm thiểu tác động của việc xây dựng phát triển khu kinh tế đối với cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học tại khu vực lập quy hoạch và vùng lân cận, đặc biệt là hệ sinh tự nhiên, hệ sinh thái đất ngập nước ven biển và hệ sinh thái biển; đảm bảo an toàn cho dân cư, hạ tầng trong khu vực khi xảy ra mưa, lũ, bão, triều cường và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Cấp nước: Phân tích đánh giá tài nguyên nước ngầm và nước mặt của khu vực để đề xuất các giải pháp cấp nước (lựa chọn nguồn nước) và bảo vệ nguồn nước. Lựa chọn chỉ tiêu cấp nước và dự báo nhu cầu dùng nước trong sản xuất, trong sinh hoạt, dự kiến nguồn cấp, đánh giá khả năng đáp ứng của nguồn nước cho nhu cầu sử dụng nước, quy hoạch công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chính.

- Cấp điện, chiếu sáng: Lựa chọn chỉ tiêu tính toán phù hợp với đặc thù chức năng của từng khu vực, xác định nhu cầu sử dụng điện, năng lượng; lựa chọn cân đối nguồn điện; đề xuất giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện, dự kiến các công trình đầu mối cho từng giai đoạn quy hoạch. Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp cho chiếu sáng thông minh. Đề xuất xây dựng phát triển và khai thác sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, điện khí, điện gió tại khu vực.

- Thông tin truyền thông: Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động, dự kiến các công trình đầu mối theo từng giai đoạn quy hoạch và mạng lưới truyền dẫn quang đồng bộ theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng, mở rộng hệ thống viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng, phục vụ phát triển kinh tế xã hội cho khu vực quy hoạch.

- Thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn và quản lý nghĩa trang: Xác định tiêu chuẩn thoát nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa trang. Dự báo khối lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang. Định hướng thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn và quản lý nghĩa trang.

i) Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường:

- Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường cần tích hợp với kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu, đưa ra các giải pháp môi trường, các khuyến cáo sử dụng đất, cấu trúc đô thị, cơ chế chính sách, nguồn lực, nhằm giảm thiểu các thiệt hại trong trường hợp thiên tai hoặc biến đổi môi trường lớn xảy ra.

- Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất (công nghiệp, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản), hoạt động xây dựng và vận hành khu kinh tế. Ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý các vấn đề môi trường phát sinh, xử lý nguồn thải, chất thải, đầu tư xây dựng hạ tầng đảm bảo việc xử lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải; mạng lưới quan trắc môi trường.

- Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp để đảm bảo môi trường phát triển bền vững.

k) Thực hiện quy hoạch: Xây dựng các tiêu chí lựa chọn chương trình, dự án ưu tiên đầu tư mang tính đột phá, tạo động lực lan tỏa và thúc đẩy phát triển khu kinh tế theo quy hoạch, trong đó lưu ý tiêu chí đối với việc lựa chọn công nghệ trong dự án đầu tư để bảo đảm phát triển môi trường bền vững. Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn quy hoạch, tạo động lực phát triển Khu kinh tế về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường phù hợp với nguồn lực.

l) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung: Đề xuất quy định quản lý quy hoạch phù hợp đồ án quy hoạch chung được duyệt và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và yêu cầu thực tế.

6. Yêu cầu về hồ sơ sản phẩm:

Thành phần hồ sơ sản phẩm thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch và lập hồ sơ sản phẩm GIS theo quy định.

7. Tổ chức thực hiện:

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thẩm định: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan trình duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Tổ chức lựa chọn tư vấn đủ năng lực theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Tiến độ thực hiện: Không quá 12 tháng theo pháp luật về Quy hoạch đô thị và nông thôn.

8. Kinh phí thực hiện:

a) Dự toán chi phí lập quy hoạch

Dự toán chi phí tổ chức lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành về quy hoạch đô thị và nông thôn. Dự toán chi phí lập quy hoạch được thực hiện sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

b) Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, trình tự, thủ tục và về tính chính xác của các thông tin, số liệu, bản vẽ, hồ sơ sử dụng để lập Nhiệm vụ Quy hoạch chung Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Ninh Bình, đến năm 2050 bảo đảm đúng quy định pháp luật; chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình duyệt Quy hoạch chung Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Ninh Bình, đến năm 2050 theo quy định, không hợp thức các sai phạm (nếu có), không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện; không gây thất thoát, lãng phí tài sản của nhà nước.

2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch chung Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Ninh Bình, đến năm 2050 bảo đảm đúng quy định pháp luật, không lãng phí. Giao Bộ Xây dựng hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình trong quá trình tổ chức thực hiện lập Quy hoạch nêu trên bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Công an, Quốc phòng, Ngoại giao, Tài chính, Công Thương, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Ninh Bình;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KTTH, QHĐP, KGVX, NN, NC;
- Lưu: VT, CN (2b) ĐTQ.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà